TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2026/DSPT
Ngày: 01-6-2026
V/v: Tranh chấp về đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hạng

Ông Hàng Lâm Viên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hồng Thắm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Phan Quang Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26-5-2026 và 01-6-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2024/TLPT-DS ngày 05-8-2024, về việc "Tranh chấp về đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do có kháng cáo của bị đơn Ngân hàng S đối với Bản án số 30/2024/DS-ST ngày 04-7-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà), tỉnh Khánh Hoà.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐ-PT ngày 29-11-2024, Thông báo dời ngày xét xử dân sự phúc thẩm số 26/TB-DS ngày 24-12-2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐPT-DS ngày 17-01-2025, Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 17-02-2025, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 16/2025/QĐPT-DS ngày 29-12-2025, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/2026/TB-DS ngày 17-3-2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2026/QĐPT-DS ngày 03-4-2026, Thông báo dời thời gian mở phiên tòa số 14/2026/TB-DS ngày 23-4-2026, của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thùy D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C1 (nay là phường C), tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C1 (nay là phường C), tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Mai Thị T – Luật sư Công ty luật TNHH T1, địa chỉ: Công ty luật TNHH T1 - Chi nhánh Khánh Hoà. Có mặt

Bị đơn: Ngân hàng S[1]

Trụ sở chính: 226-228 đường N, phường 8, quận 3 (nay là phường X), thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 2212 Hùng Vương, phường B, thành phố C1 (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2 – chức vụ: Giám đốc Trung tâm pháp chế; Ông Trần Văn T3 – Chức vụ: Trưởng phòng pháp lý tố tụng – Trung tâm pháp chế. Ông T2, ông T3 có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Nguyễn Minh L, Phùng Thị L1 – Luật sư Công ty Luật TNHH S. Có mặt

Bà Nguyễn Thị Hằng N – Luật sư Công ty Luật TNHH N và Cộng sự. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C1 (nay là phường C), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C1 (nay là phường C), tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn G – Luật sư Văn phòng luật sư G – Chi nhánh Khánh Hoà. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Thuỳ D – ông Nguyễn Quang V trình bày:

Bà Hồ Thị Thùy D là chủ tài khoản số 050042242321 mở tại Phòng giao dịch S C thuộc Ngân hàng S (gọi tắt là ngân hàng S). Đây là tài khoản bà D mở nhằm mục đích giao dịch cho công việc làm ăn hằng ngày.

Sau khi kiểm tra biến động tài khoản thì từ ngày 01-4-2022 tài khoản đứng tên bà tại Ngân hàng S bị rút tiền trái luật với 24 giao dịch (trong đó có 12 giao dịch bà D chưa thu hồi được tiền và đã trình báo với các cơ quan chức năng với số tiền là 46.900.000.000 đồng). Tổng số tiền 24 giao dịch trái luật này là 109.270.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể:

[1] Theo Quyết định số 36/QĐ-QLGS4 ngày 01/6/2026 của Ngân hàng Nhà nước, được đổi thên thương mại thành "Ngân hàng Thương mại cổ phần S", tên viết tắt bằng tiếng Anh là "S".

- Giao dịch bằng hình thức chuyển khoản:

+ Ngày 12-4-2022 vào lúc 19h20: số tiền giao dịch 6.200.000.000 đồng (Nội dung: CHUYEN KHOAN KHOE).

+ Ngày 13-4-2022 vào lúc 19h18: số tiền giao dịch 9.000.000.000 đồng (Nội dung: CHUYEN KHOAN KHOE).

+ Ngày 19-4-2022 vào lúc 18h32: số tiền giao dịch 4.500.000.000 đồng (Nội dung: CHUYEN KHOAN KHOE).

+ Ngày 20-4-2022 vào lúc 18h04: số tiền giao dịch 4.500.000.000 đồng (Nội dung: CHUYEN KHOAN KHOE).

+ Ngày 21-4-2022 vào lúc 17h41: số tiền giao dịch 6.500.000.000 đồng (Nội dung: CHUYEN KHOAN).

+ Ngày 04-5-2022 vào lúc 17h46: số tiền giao dịch 2.370.000.000 đồng (Số giao dịch TT221244ZYJD).

+ Ngày 05-5-2022 vào lúc 18h05: số tiền giao dịch 8.250.000.000 đồng (Số giao dịch TT22125ZCQYK).

+ Ngày 24-5-2022 vào lúc 18h04: số tiền giao dịch 11.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT22144W4ZMD). Giao dịch này vượt hạn mức chuyển khoản 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

+ Ngày 26-5-2022 vào lúc 17h40: số tiền giao dịch 5.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT221461NZZB).

+ Ngày 31-5-2022 vào lúc 18h08: số tiền giao dịch 2.900.000.000 đồng (Số giao dịch TT22151J2GMH).

+ Ngày 14-6-2022 vào lúc 17h59: số tiền giao dịch 4.300.000.000 đồng (Số giao dịch TT221651XGZS).

+ Ngày 15-6-2022 vào lúc 18h22: số tiền giao dịch 7.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT22166PS1K1).

- Giao dịch bằng hình thức rút tiền mặt tại quầy giao dịch:

+ Ngày 18-4-2022 vào lúc 17h25: số tiền giao dịch 250.000.000 đồng.

+ Ngày 18-4-2022 vào lúc 18h38: số tiền giao dịch 4.800.000.000 đồng.

+ Ngày 28-4-2022 vào lúc 18h30: số tiền giao dịch 3.470.000.000 đồng.

+ Ngày 04-5-2022 vào lúc 17h53: số tiền giao dịch 2.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT221248J90Q).

+ Ngày 06-5-2022 vào lúc 19h07: số tiền giao dịch 910.000.000 đồng (Số giao dịch TT22126FPVWM).

+ Ngày 13-5-2022 vào lúc 19h08: số tiền giao dịch 3.730.000.000 đồng (Số giao dịch TT221336HDN5).

+ Ngày 16-5-2022 vào lúc 19h29: số tiền giao dịch 5.920.000.000 đồng (Số giao dịch TT22136H34MZ).

+ Ngày 17-5-2022 vào lúc 18h28: số tiền giao dịch 6.300.000.000 đồng (Số giao dịch TT221371GFX2).

+ Ngày 19-5-2022 vào lúc 17h19: số tiền giao dịch 3.500.000.000 đồng (Số giao dịch TT221396RLJV).

+ Ngày 30-5-2022 vào lúc 18h02: số tiền giao dịch 4.200.000.000 đồng (Số giao dịch TT22150J0Y91).

+ Ngày 01-6-2022 vào lúc 19h19: số tiền giao dịch 1.800.000.000 đồng (Số giao dịch TT221525FT3G).

+ Ngày 13-6-2022 vào lúc 18h29: số tiền giao dịch 870.000.000 đồng (Số giao dịch TT221647LC55).

Bà D yêu cầu Ngân hàng S trả cho bà số tiền 46.900.000.000 đồng tại đơn khởi kiện là vì các lý do:

Tất cả việc rút tiền trên đều không do bà D thực hiện, không được sự đồng ý của bà D và bà D chưa từng ủy quyền cho ai. Việc thực hiện rút tiền ngoài giờ hành chính, thậm chí có thời gian bà D ở Phú Quốc, lúc ở Thành phố Hồ Chí Minh (có vé máy bay đi về) mà vẫn rút tiền.

Qua nhiều lần trao đổi, bà Nguyễn Thị Thanh H (nguyên phó phòng giao dịch S C và bà Nguyễn Đức Thạch D (Tổng giám đốc) đều thừa nhận lỗi dẫn đến bà bị mất tiền. Bản thân Ngân hàng S đã tạm chi cho bà số tiền 20.000.000.000 đồng theo Biên bản làm việc ngày 12-4-2023 nhưng lại giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Ngoài ra, Ngân hàng S vẫn không trả số tiền còn lại là 26.900.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, gây thiệt hại đến quyền lợi của bà D.

Việc chiếm giữ trái phép tiền nêu trên đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của người gửi tiền. Chính vì thế, bằng đơn khởi kiện này, bà D đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp với yêu cầu cụ thể sau:

1. Buộc Ngân hàng S trả cho bà D số tiền gốc và lãi:

- Tiền gốc là 46.900.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm triệu đồng) của 12 giao dịch là: (1) Ngày 04-5-2022 vào lúc 17h46: số tiền giao dịch 2.370.000.000 đồng (Số giao dịch TT221244ZYJD); (2) Ngày 24-5-2022 vào lúc 18h04: số tiền giao dịch 11.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT22144W4ZMD); (3) Ngày 14-6-2022 vào lúc 17h59: số tiền giao dịch 4.300.000.000 đồng (Số giao dịch TT221651XGZS); (4) Ngày 04-5-2022 vào lúc 17h53: số tiền giao dịch 2.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT221248J90Q); (5) Ngày 06-5-2022 vào lúc 19h07: số tiền giao dịch 910.000.000 đồng (Số giao dịch TT22126FPVWM); (6) Ngày 13-5-2022 vào lúc 19h08: số tiền giao dịch 3.730.000.000 đồng (Số giao dịch TT221336HDN5); (7) Ngày 16-5-2022 vào lúc 19h29: số tiền giao dịch 5.920.000.000 đồng (Số giao dịch TT22136H34MZ); (8) Ngày 17-5-2022 vào lúc 18h28: số tiền giao dịch 6.300.000.000 đồng (Số giao dịch TT221371GFX2); (9) Ngày 19-5-2022 vào lúc 17h19: số tiền giao dịch 3.500.000.000 đồng (Số giao

dịch TT221396RLJV); (10) Ngày 30-5-2022 vào lúc 18h02: số tiền giao dịch 4.200.000.000 đồng (Số giao dịch TT22150J0Y91); (11) Ngày 01-6-2022 vào lúc 19h19: số tiền giao dịch 1.800.000.000 đồng (Số giao dịch TT221525FT3G); (12) Ngày 13-6-2022 vào lúc 18h29: số tiền giao dịch 870.000.000 đồng (Số giao dịch TT221647LC55). Do Ngân hàng S đã tạm chi trước 20.000.000.000 đồng nên còn phải trả: 26.900.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả phát sinh đối với số tiền 46.900.000.000 đồng kể từ thời điểm bị rút 13-6-2022 cho đến ngày có Biên bản làm việc ngày 12-4-2023 (10 tháng) là: ((46.900.000.000 x 0.83)/100)) x 10 tháng là: 3.892.700.000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả phát sinh đối với số tiền 26.900.000.000 đồng từ tháng 10-2022 tới tháng 5-2024 (20 tháng): ((26.900.000.000 x 0.83)/100)) x 20 tháng là: 4.465.400.000 đồng.

2. Buộc Ngân hàng S bồi thường thiệt hại cho bà D: Số tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với lãi suất tiền gửi 5% đối với số tiền 46.900.000.000 đồng là: 2.345.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc, lãi và tiền bồi thường thiệt hại Ngân hàng S phải trả cho bà là: 26.900.000.000 đồng + 3.892.700.000 + 4.465.400.000 đồng + 2.345.000.000 đồng = 37.603.100.000 đồng và số tiền lãi phát sinh cho đến khi có kết quả giải quyết của Tòa án.

3. Buộc Ngân hàng S trả lại cho bà D 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính) theo Biên bản bàn giao lập ngày 14-04-2023 tại Trụ sở S Phòng giao dịch C, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 441814, số vào sổ cấp GCN CS 03656 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 22-7-2021 do ông Nguyễn Quang V đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 749679, số vào sổ cấp GCN CS 03315 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 15-3-2019 do bà Hồ Thị Thùy D đứng tên.

** Bị đơn Ngân hàng S trình bày:*

Đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án vì các lý do sau:

Ngày 18-11-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 137/QĐ-CKT tiến hành khởi tố bắt tạm giam các cá nhân liên quan nhằm phục vụ công tác điều tra, trong đó có bà Nguyễn Thị Thanh H hiện là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời bà Hồ Thị Thùy D có đơn kêu cứu gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa về việc bị mất số tiền 46.900.000.000 đồng.

Sau khi xác minh điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận tại Bản kết luận điều tra số 127/KLĐT-CSKT(Đ1) và Bản kết luận điều tra bổ sung số 21/BKL-CSKT(Đ1). Tuy nhiên, đến nay vụ án vẫn đang được tiếp tục điều tra và chưa có kết luận cuối cùng.

Ngày 07-5-2024, Ngân hàng S nhận được Công văn số 1955/YC-CSĐT-KT(Đ1) của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa về việc cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện giao dịch rút tiền của một số khách hàng, trong đó có khách hàng Hồ Thị Thùy D để làm rõ về hành vi rút tiền của khách hàng. Ngân hàng S đã thực hiện việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu này.

Ngân hàng S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Bà Hồ Thị Thùy D có mối quan hệ với bà H là khách hàng với Ngân hàng, ngoài ra không còn mối quan hệ nào khác. Thời điểm bà H rút tiền mặt, chuyển khoản và nạp tiền từ tài khoản của bà D, bà H đang là Phó Phòng giao dịch Sacombank Cam Ranh. Việc rút tiền mặt, chuyển khoản từ tài khoản của bà D: Có những lần có mặt bà D và có một số lần bà D trao đổi trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng nhắn tin nhờ linh động trong quá trình giao dịch. Những lần bà D trao đổi qua điện thoại và nhắn tin với bà Hà thì bà D không có mặt trực tiếp để giao dịch. Việc tham gia tố tụng: Bà H đang bị tạm giam nên xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa.

** Người làm chứng ông Phan Ngọc T4 trình bày:*

Thời điểm tháng 08 năm 2022, ông T4 có cầm hồ sơ giải ngân ra nhà bà Hồ Thị Thùy D để ký. Khi đi, bà Nguyễn Thị Thanh H là Phó Phòng giao dịch có đưa thêm cho ông T4 xấp chứng từ và nói nhờ đưa cho bà D ký bổ sung dùm bà H, bà H đã gọi điện nói bà D rồi. Ông T4 nhìn thoáng qua thì thấy đây là xấp chứng từ gồm ủy nhiệm chi, lệnh chuyển tiền, còn nội dung trong tập chứng từ là gì thì ông T4 không rõ. Sau khi ra nhà bà D ký hồ sơ giải ngân và các chứng từ xong thì ông T4 cầm về gửi lại bà H sấp chứng từ, còn hồ sơ giải ngân thì ông T4 giữ để giải ngân cho khách hàng. Ông T4 đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST ngày 04-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà) tuyên xử:

Căn cứ:

- Các Điều 5, 26, 92, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 87, 275, 280, 351, 357, 468, 584, 597 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 10 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 6 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19-8-2014 của Ngân hàng nhà nước về việc Hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Ngân hàng S phải trả cho bà Hồ Thị Thùy D số tiền gốc là 26.900.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ chín trăm triệu đồng).

1.2. Buộc Ngân hàng S phải trả cho bà Hồ Thị Thùy D số tiền lãi chậm trả là 3.892.700.000 đồng (Ba tỷ tám trăm chín mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) và 3.125.780.000 đồng (Ba tỷ một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng, Ngân hàng S phải trả cho bà Hồ Thị Thùy D số tiền lãi chậm trả là 7.018.480.000 đồng (Bảy tỷ không trăm mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

1.3. Buộc Ngân hàng S phải bồi thường thiệt hại cho bà Hồ Thị Thùy D số tiền là 2.345.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

1.4. Buộc Ngân hàng S phải trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau đây cho bà Hồ Thị Thùy D: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 441814, số vào sổ cấp GCN: CS 03656 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 22-7-2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 749679, số vào sổ cấp GCN: CS 03315 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 15-3-2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo

Ngày 12-7-2024, bị đơn – Ngân hàng S có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị tạm ngừng phiên toà để làm rõ thiệt hại của bị đơn trong 12 giao dịch mà nguyên đơn đang khởi kiện, trong trường hợp Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên toà thì đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm và tính lại tiền lãi chậm trả đến thời điểm xét xử phúc thẩm là 12.243.398.000 đồng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.345.000.000 đồng; và tính án phí cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Về tố tụng:

[1.1.1] Đơn kháng cáo hợp lệ nên nội dung kháng cáo của bị đơn được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người này.

[1.2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[1.2.1] Về các nội dung đã được các đương sự thừa nhận:

Bà Hồ Thị Thuỳ D là chủ số tài khoản 050042242321 mở tại Phòng giao dịch C thuộc Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng S). Đây là tài khoản mở ngày 19-5-2014, thuộc gói COMBO1 – NĂNG ĐỘNG, bao gồm: Tài khoản thanh toán, thẻ thanh toán, Mobile banking. Tại Phiếu đăng ký ngày 28-10-2021, bà Hồ Thị Thuỳ D đăng ký dịch vụ COMBO VÀNG. Tại Giấy đề nghị ngày 28-10-2021, bà D yêu cầu dịch vụ S eBanking với hạn mức 1 giao dịch là 10.000.000.000 đồng, hạn mức trong ngày 20.000.000.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có 12 giao dịch rút tiền từ tài khoản 050042242321 đứng tên bà Hồ Thị Thuỳ D tại Phòng giao dịch C của Ngân hàng S với tổng số tiền 46.900.000.000 đồng, cụ thể 12 giao dịch là: (1) Ngày 04-5-2022 vào lúc 17h46: số tiền giao dịch 2.370.000.000 đồng (Số giao dịch TT221244ZYJD); (2) Ngày 24-5-2022 vào lúc 18h04: số tiền giao dịch 11.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT22144W4ZMD); (3) Ngày 14-6-2022 vào lúc 17h59: số tiền giao dịch 4.300.000.000 đồng (Số giao dịch TT221651XGZS); (4) Ngày 04-5-2022 vào lúc 17h53: số tiền giao dịch 2.000.000.000 đồng (Số giao dịch TT221248J90Q); (5) Ngày 06-5-2022 vào lúc 19h07: số tiền giao dịch 910.000.000 đồng (Số giao dịch TT22126FPVWM); (6) Ngày 13-5-2022 vào lúc 19h08: số tiền giao dịch 3.730.000.000 đồng (Số giao dịch TT221336HDN5); (7) Ngày 16-5-2022 vào lúc 19h29: số tiền giao dịch 5.920.000.000 đồng (Số giao dịch TT22136H34MZ); (8) Ngày 17-5-2022 vào lúc 18h28: số tiền giao dịch 6.300.000.000 đồng (Số giao dịch TT221371GFX2); (9) Ngày 19-5-2022 vào lúc 17h19: số tiền giao dịch 3.500.000.000 đồng (Số giao dịch TT221396RLJV); (10) Ngày 30-5-2022 vào lúc 18h02: số tiền giao dịch 4.200.000.000 đồng (Số giao dịch TT22150J0Y91); (11) Ngày 01-6-2022 vào lúc 19h19: số tiền giao dịch 1.800.000.000 đồng (Số giao dịch TT221525FT3G); (12) Ngày 13-6-2022 vào lúc 18h29: số tiền giao dịch 870.000.000 đồng (Số giao dịch TT221647LC55). Đây là các tình tiết đã được các đương sự thừa nhận, là tình tiết không phải chứng minh.

Phía nguyên đơn cho rằng số tiền 46.900.000.000 đồng trong tài khoản của bà Hồ Thị Thuỳ D đã bị rút ra mà không có sự đồng ý của bà D, không do bà D thực hiện giao dịch và sai về quy trình của Ngân hàng S. Phía bị đơn cho rằng số tiền 46.900.000.000 đồng bà D đòi Ngân hàng S thực chất là tiền bà D cho bà Nguyễn Thị Thanh H - Phó Phòng giao dịch C có thu lãi cao, khi bà H mất khả năng thanh toán thì bà D quay lại yêu cầu Ngân hàng S chi trả.

[1.2.2] Nhận thấy nhân viên Ngân hàng S có hành vi rút tiền trái quy định có dấu hiệu của tội phạm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có Công văn số 240/CV-TA ngày 05-02-2025 để chuyển vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hoà. Ngày 18-12-2025, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hoà có Quyết định số 17422/QĐ-CSĐT-KT(Đ2) về việc không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung và giới hạn xét xử trong phạm vi 12 giao dịch mà nguyên đơn bà Hồ Thị Thuỳ D khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2.3] Xét đối với 09 giao dịch bằng hình thức rút tiền mặt tại quầy giao dịch:

1. Giao dịch ngày 04-5-2022, số tiền 2.000.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:23 đến 17:53, số giao dịch TT221248J90Q. Đây là loại giao dịch khách hàng cá nhân sử dụng tài khoản thanh toán thực hiện giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán rút tiền mặt, thực hiện bằng chứng từ giấy, thực hiện tại quầy giao dịch của Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng S. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 16 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH, Còn camera, không có KH tại thời điểm giao dịch, không có tin nhắn. Căn cứ quy định pháp luật về sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng và quy định về quy trình nội bộ nghiệp vụ của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử thấy: Đây là giao dịch chi tiền tại quầy, do Chủ tài khoản thực hiện. Theo quy trình nội bộ của Ngân hàng S, với loại giao dịch này, khi thực hiện thì khách hàng cá nhân phải đến quầy giao dịch, xuất trình giấy tờ tùy thân; giao dịch viên kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ tùy thân do khách hàng xuất trình, kiểm tra đối chiếu và nhận biết khách hàng, thực hiện nghiệp vụ giao dịch; cấp kiểm soát hoặc cấp thẩm quyền duyệt giao dịch; giao dịch viên chi tiền cho khách hàng, chứng kiến kiểm đếm và trả chứng từ cho khách hàng. Cấp kiểm soát phải kiểm soát tính chính xác số liệu, thông tin trên chứng từ và việc chấp hành quy chế quản lý nội bộ của người lập trước khi phê duyệt chứng từ, kiểm tra xét duyệt đối với từng loại nghiệp vụ kinh tế. Thực tế, giao dịch này thực hiện ngoài thời gian làm việc của Ngân hàng, ngoài thời gian phục vụ Khách hàng; camera của Ngân hàng S không ghi nhận việc bà Hồ Thị Thuỳ D có mặt để thực hiện toàn bộ quá trình của giao dịch rút tiền mặt tại quầy. Tuy nhiên, chứng từ giao dịch là Giấy rút tiền (kiêm phiếu chi tiền mặt) số TT221248J90Q có chữ ký của bà Hồ Thị Thuỳ D, giao dịch viên, thủ quỹ và cấp phê duyệt là mâu thuẫn với việc dữ liệu camera ghi nhận "Còn camera, Không có khách hàng tại thời điểm giao dịch". Tại phiên toà, đại diện của bị đơn cho rằng Bảng tổng hợp thể hiện việc camera không ghi nhận khách hàng có mặt tại quầy giao dịch là do đây là quá trình tra soát nội bộ, camera chỉ ghi nhận tại thời điểm

giao dịch ghi nhận trên hệ thống nhưng thực tế bà D có tới trụ sở Phòng giao dịch ngoài giờ làm việc, tuy không giao dịch trực tiếp tại quầy giao dịch nhưng thực hiện giao dịch tại nhà để xe hoặc phòng VIP ... Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh được việc bà D có tới hoặc có mặt tại Phòng giao dịch để thực hiện các giao dịch này. Do đó, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 2.000.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 17:23-17:53, số giao dịch TT221248J90Q ngày 04-05-2022.

2. Giao dịch ngày 06-5-2022, số tiền 910.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 18:47 đến 19:07, số giao dịch TT22126FPVWM. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 18 thể hiện: KH ký bổ sung chứng từ nhưng chưa xác định được thời gian ký; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch, không có tin nhắn. Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 910.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 18:47-19:07, số giao dịch TT22126FPVWM, ngày 06-5-2022.

3. Giao dịch ngày 13-5-2022, số tiền 3.730.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:30 đến 19:08, số giao dịch TT221336HDN5. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 19 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Lúc 18:53 có tin nhắn mượn: C D ơi, hnay em lại mượn c thêm 3,730ty nha. Sáng thứ 2 16/05 em nộp lại 03 món (8.250+910+3,730) nha. Hqa mấy AE khác GNN đến hạn KH nhờ hỗ trợ nhiều quá, Trí báo C nhưng ko đc." KH không reply. Bị đơn cho rằng thông qua tin nhắn thể hiện ý chí của bà D đã đồng ý để nhân viên Ngân hàng S thực hiện giao dịch. Nguyên đơn không thừa nhận và cho rằng, nếu thực sự có sự đồng ý của bà D, thì Ngân hàng S cũng cần thực hiện đúng, đủ quy trình giao dịch theo quy định của Ngân hàng và quy định pháp luật. Như nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 3.730.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 17:30-19:08, số giao dịch TT221336HDN5, ngày 13-5-2022.

4. Giao dịch ngày 16-5-2022, số tiền 5.920.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 18:56 đến 19:29, số giao dịch TT22136H34MZ. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 20 thể hiện: Chứng từ không được đóng tập theo quy định mà lưu trữ trong tủ cá nhân của GDV Hải. Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Không có tin nhắn. Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 5.920.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 18:56 đến 19:29, số giao dịch TT22136H34MZ, ngày 16-5-2022.

5. Giao dịch ngày 17-5-2022, số tiền 6.300.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 18:28 đến 18:28, số giao dịch TT221371GFX2. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022"

do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 21 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Lúc 18:18 có tin nhắn Hà mượn 6,2 tỷ: "C D, chiều nay 17/05 em rút cD 6,2ty nha, sáng mai nộp lại 7 tỷ sớm ạh. Lúc 18:19 KH phản hồi "Gửi sớm cho chị". Lúc 18:31 bà H nhắn lại: "Dạ 6,3ty c nha". Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 6.300.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 18:28 đến 18:28, số giao dịch TT221371GFX2, ngày 17-5-2022.

6. Giao dịch ngày 19-5-2022, số tiền 3.500.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:11 đến 17:19, số giao dịch TT221396RLJV. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 22 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Lúc 17:05 có tin nhắn Hà mượn " "C D, chiều nay em rút mượn TK C 3,5 ty, mai GN lại nộp TK C 5 ty nha". Lúc 17:08 KH phản hồi "Ok e". Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 3.500.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 17:11 đến 17:19, số giao dịch TT221396RLJV, ngày 19-5-2022.

7. Giao dịch ngày 30-5-2022, số tiền 4.200.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:47 đến 18:02, số giao dịch TT22150J0Y91. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 25 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Lúc 17:47 có tin nhắn mượn: "Chị, nay vs mai ngày cuối tháng, AE căng quá c ơi, nhờ c hỗ trợ nha C D. Chiều nay e rút C 4,2 ty sáng mai nộp lại món 5ty trc 8h nha c". Lúc 17:58, KH phản hồi: Thôi e, mai c trả tiền tôm rồi e". Lúc 18:04 bà H nhắn tin hẹn sáng mai nộp sớm: "Dạ, sáng mai em nộp sớm C D nha, em cảm ơn chị nhiều ah". Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 4.200.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 17:47 đến 18:02, số giao dịch TT22150J0Y91, ngày 30-5-2022.

8. Giao dịch ngày 01-6-2022, số tiền 1.800.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 19:10 đến 19:19, số giao dịch TT221525FT3G. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Sacombank cung cấp, tại số thứ tự 27 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Không có tin nhắn. Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 1.800.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 19:10 đến 19:19, số giao dịch TT221525FT3G, ngày 01-6-2022.

9. Giao dịch ngày 13-6-2022, số tiền 870.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 18:16 đến 18:29, số giao dịch TT221647LC55. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 28 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH; Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch; Không có tin nhắn. Theo chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì ngày 13-6-2022, bà D có mặt trên chuyến bay VJ663, khởi

hành từ sân bay Cam Ranh đi Phú Quốc, lúc 10:25, số ghế 29B. Tại Giấy xác nhận của Công ty cổ phần Vinpearl ngày 05-5-2024, ngày 24-5-2024 thì bà D lưu trú tại khách sạn Vinpearl Resort & Golf Phú Quốc từ ngày 13-6-2022 đến ngày 15-6-2022. Điều này phù hợp với thông tin Ngân hàng S ghi nhận: "Không có KH tại thời điểm giao dịch". Như nhận định ở trên, không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch và là người nhận số tiền 870.000.000 đồng đối với giao dịch thực hiện lúc 18:16 đến 18:29, số giao dịch TT221647LC55, ngày 13-6-2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy toàn bộ 09 giao dịch rút tiền mặt thực hiện tại quầy giao dịch của Phòng giao dịch C - Ngân hàng S chưa tuân thủ trình tự, thủ tục, thực tế thời gian tiếp nhận và giao nhận chứng từ kế toán, thực hiện giao dịch theo quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng S ban hành hướng dẫn nghiệp vụ, chưa phù hợp với khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19-8-2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28-02-2019, Thông tư số 16/2020/TT-NHNN ngày 04-12-2020; khoản 1, khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư 01/2014/TT-NHNN ngày 06-01-2014; Điều 10 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12-12-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

[1.2.4] Xét đối với 03 giao dịch thanh toán Uỷ nhiệm chi:

1. Giao dịch ngày 04-5-2022, số tiền 2.370.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:23 đến 17:46, số giao dịch TT221244ZYJD, chứng từ thanh toán Uỷ nhiệm chi số 033790.124000181. Đây là loại giao dịch khách hàng cá nhân sử dụng tài khoản thanh toán thực hiện giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán ủy nhiệm chi, thực hiện bằng chứng từ giấy, thực hiện tại quầy giao dịch của Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng S. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 15 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH. KH ký bổ sung chứng từ nhưng chưa xác định được thời gian ký. GD này chuyển khoản vào TK ông Trần Văn M, sau đó trong ngày ông M rút tiền mặt tại quầy để cho bà H sử dụng. Ông M đến quầy ký phiếu rút và nhận tiền ra khỏi PGD, khoảng 01 phút sau ông M đem đúng số tiền đó giao lại cho TQ; Còn camera. Căn cứ quy định pháp luật về sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và quy định về quy trình nội bộ nghiệp vụ của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử thấy: Đây là giao dịch thanh toán ủy nhiệm chi theo phương thức truyền thống (giao dịch bằng chứng từ giấy, trực tiếp tại quầy), do Chủ tài khoản thực hiện. Theo quy trình nội bộ của Ngân hàng S, với loại giao dịch trực tiếp tại quầy, khi thực hiện thì khách hàng cá nhân phải đến quầy giao dịch, xuất trình giấy tờ tùy thân; giao dịch viên kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ tùy thân do khách hàng xuất trình, kiểm tra đối chiếu và nhận biết khách hàng, thực hiện nghiệp vụ giao dịch; cấp kiểm soát hoặc cấp thẩm quyền duyệt giao dịch; giao dịch viên chi tiền cho khách hàng, chứng kiến kiểm đếm và trả chứng từ cho khách hàng. Cấp kiểm soát phải kiểm soát tính chính xác số liệu, thông tin trên chứng từ và việc chấp hành quy chế quản lý nội bộ của người lập trước khi phê duyệt chứng từ, kiểm tra xét duyệt đối với từng loại nghiệp vụ kinh tế. Thực tế, giao dịch này thực

hiện ngoài thời gian làm việc của Ngân hàng, ngoài thời gian phục vụ Khách hàng; Ngân hàng ghi nhận "KH ký bổ sung chứng từ nhưng chưa xác định được thời gian ký. GD này chuyển khoản vào TK ông Trần Văn M, sau đó trong ngày ông M rút tiền mặt tại quầy để cho bà H sử dụng. Ông M đến quầy ký phiếu rút và nhận tiền ra khỏi PGD, khoảng 01 phút sau ông M đem đúng số tiền đó giao lại cho TQ". Bà D thừa nhận đây là chữ ký của bà, nhưng cho rằng việc có chữ ký của bà trên chứng từ là do ông Phan Văn T4 – nhân viên của Ngân hàng S mang đến nhà ký sau khi thực hiện giao dịch. Lời khai của bà D phù hợp với lời khai của ông T4, phù hợp với chứng cứ là "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp tại số thứ tự 15 thể hiện: KH ký bổ sung chứng từ nhưng chưa xác định được thời gian ký. Do đó, lời khai của bà D là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, chứng từ là Ủy nhiệm chi số 033790.124000181 ngày 04-5-2022 được lập, lưu trữ tại Ngân hàng có đủ các yếu tố chính thể hiện đầy đủ thông tin cần thiết hợp pháp, hợp lệ và có chữ ký của chủ tài khoản, nhưng không phù hợp với thực tế thời gian, địa điểm vào ngày giao dịch có hiệu lực thanh toán mà Ngân hàng nhận và xử lý hạch toán và ghi Có vào tài khoản của bên thụ hưởng. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch số tiền 2.370.000.000 đồng bằng Uỷ nhiệm chi số 033790.124000181, giao dịch thực hiện từ lúc 17:23 đến 17:46, số giao dịch TT221244ZYJD ngày 04-5-2022.

2. Giao dịch ngày 24-5-2022, số tiền 11.000.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:38 đến 18:04, số giao dịch TT22144W4ZMD, chứng từ thanh toán Ủy nhiệm chi số 033790.144000155. Đây là loại giao dịch khách hàng cá nhân sử dụng tài khoản thanh toán thực hiện giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán ủy nhiệm chi, thực hiện bằng chứng từ giấy, thực hiện tại quầy giao dịch của Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng S. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 23 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH, đây là trường hợp ký bổ sung Các chứng từ tập hợp lại để CVKH T4 đem đến nhà KH ký bổ sung. GD này chuyển khoản vào TK ông Trần Văn M, sau đó trong ngày ông M rút tiền mặt tại quầy để cho bà H sử dụng. 18h16' GDV My hạch toán phiếu rút đưa Phó PGD H duyệt (chứng từ chưa có chữ ký KH), đến 18h22 KH vẫn không đến quầy GD (lúc này tương đương với 18h10' do camera chạy nhanh 12p). Còn camera Không có KH tại thời điểm giao dịch. Lúc 17:30 có tin nhắn mượn: "C D ơi, chiều nay AE có món đến hạn nhờ hỗ trợ, em rut TK c 11ty nha, sáng mai nộp lại lần lượt đủ ạh". Lúc 17:50 KH phản hồi "ok e". Như nhận định ở trên, chứng từ là Ủy nhiệm chi số 033790.144000155 ngày 24-5-2022 được lập, lưu trữ tại Ngân hàng có đủ các yếu tố chính thể hiện đầy đủ thông tin cần thiết hợp pháp, hợp lệ và có chữ ký của chủ tài khoản, nhưng không phù hợp với thực tế thời gian, địa điểm vào ngày giao dịch có hiệu lực thanh toán mà Ngân hàng nhận và xử lý hạch toán và ghi Có vào tài khoản của bên thụ hưởng. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch số tiền 11.000.000.000 đồng bằng Ủy nhiệm chi số 033790.144000155, giao dịch thực hiện từ lúc 17:38 đến 18:04, số giao dịch TT22144W4ZMD ngày 24-5-2022.

3. Giao dịch ngày 14-6-2022, số tiền 4.300.000.000 đồng: Giao dịch thực hiện từ lúc 17:34 đến 17:59, số giao dịch TT221651XGZS, chứng từ thanh toán Ủy nhiệm chi số 033790.165000143. Đây là loại giao dịch khách hàng cá nhân sử dụng tài khoản thanh toán thực hiện giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán ủy nhiệm chi, thực hiện bằng chứng từ giấy, thực hiện tại quầy giao dịch của Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng S. Theo tài liệu "Bảng tổng hợp giao dịch mượn tiền gốc giữa bà H và bà D từ 01/01/2022-31/10/2022" do Ngân hàng S cung cấp, tại số thứ tự 29 thể hiện: Chứng từ có chữ ký của KH. GD này chuyển khoản vào TK ông Trần Văn M, sau đó trong ngày ông M rút tiền mặt tại quầy để cho bà H sử dụng. Ông M đến quầy ký phiếu rút và nhận tiền ra khỏi PGD, 01 phút sau ông M đem đúng số tiền đó giao lại cho TQ. Còn camera, Không có KH tại thời điểm giao dịch. Tin nhắn Zalo Lúc 17:37 có tin nhắn mượn: "C D ơi, chiều nay em rút cD mượn 4,3ty nha, Mai c ck sớm báo em nha". KH phản hồi 14h40 "Thôi em, chị đang trên đường thương lượng giá, sợ bên đó đồng ý, em không có, chị không có tiền, hôm nay em chốt tiền giùm chị"; Tin nhắn Viber (hình ảnh S thu thập được) Lúc 17:37 có tin nhắn mượn: "C D ơi, chiều nay em rút cD mượn 4,3ty nha, Mai c ck sớm báo em nha". KH phản hồi (không thể hiện giờ): "Trước 10 g e chuyển cho chị còn chiều không được". Tại Giấy xác nhận của Công ty cổ phần Vinpearl ngày 05-5-2024, ngày 24-5-2024 thì bà D lưu trú tại khách sạn Vinpearl Resort & Golf Phú Quốc từ ngày 13-6-2022 đến ngày 15-6-2022. Điều này phù hợp với thông tin Ngân hàng S ghi nhận: "Không có KH tại thời điểm giao dịch". Như nhận định ở trên, chứng từ là Ủy nhiệm chi số 033790.165000143 ngày 14-6-2022 được lập, lưu trữ tại Ngân hàng có đủ các yếu tố chính thể hiện đầy đủ thông tin cần thiết hợp pháp, hợp lệ và có chữ ký của chủ tài khoản, nhưng không phù hợp với thực tế thời gian, địa điểm vào ngày giao dịch có hiệu lực thanh toán mà Ngân hàng nhận và xử lý hạch toán và ghi Có vào tài khoản của bên thụ hưởng. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ xác định bà D là người trực tiếp thực hiện giao dịch số tiền 4.300.000.000 đồng bằng Ủy nhiệm chi số 033790.165000143, giao dịch thực hiện từ lúc 17:34 đến 17:59, số giao dịch TT221651XGZS ngày 14-6-2022.

Với nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy 03 giao dịch thanh toán Uỷ nhiệm chi thực hiện tại quầy giao dịch của Phòng giao dịch C - Ngân hàng S chưa tuân thủ trình tự, thủ tục, thực tế thời gian tiếp nhận và giao nhận chứng từ kế toán, thực hiện giao dịch theo quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng S ban hành hướng dẫn nghiệp vụ, chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31-12-2014, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19-8-2014, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28-02-2019, Thông tư số 16/2020/TT-NHNN ngày 04-12-2020.

[1.2.5] Ngân hàng S kháng cáo cho rằng có quan hệ vay mượn tiền giữa bà D và bà Nguyễn Thị Thanh H, có nhiều giao dịch có sự trao đổi giữa bà D và bà H, có nhiều giao dịch ngoài giờ hành chính, bà D không có mặt nhưng các chứng từ giao dịch tại quầy đều có chứng từ đầy đủ; có 02 giao dịch ngày 17-5-2022 (số tiền 6.300.000.000 đồng) đã được trả lại 7.000.000.000 đồng vào ngày 18-5-2022 qua tài khoản của bà Hồ Thị Hồng Phương, ông Trần Văn M; giao dịch ngày 19-5-2022 (số tiền 3.500.000.000 đồng) đã được trả lại 5.000.000.000 đồng ngày 20-5-

2022 qua tài khoản của ông Trần Văn M. Tuy nhiên, theo các tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hoà cung cấp thể hiện lời khai ông Trần Văn M xác định bà Nguyễn Thị Thanh H là người sử dụng tài khoản 050051230938 của ông M để thực hiện việc chuyển, nhận tiền và đưa chứng từ cho ông M ký; ông M không biết bà H sử dụng tài khoản, sử dụng tiền vào mục đích gì và ông M không được hưởng lợi gì từ việc này. Ngoài ra, theo Bảng tổng hợp giao dịch tại quầy của D từ ngày 02/01/2022 đến 31/10/2022, Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn từ ngày 03/5/2022 đến ngày 14/6/2022 do Ngân hàng S cung cấp, số lượng các giao dịch qua tài khoản của bà D là rất nhiều, nên không có căn cứ để xác định số tiền bà Hồ Thị Hồng Phương chuyển vào tài khoản của bà D là để trả cho khoản tiền giao dịch rút tiền 6.300.000.000 đồng ngày 17-5-2022 như trình bày của đại diện Ngân hàng S. Các giao dịch mà nguyên đơn khởi kiện đều được thực hiện bởi nhân viên của Ngân hàng S, thông qua quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng S nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên đơn là người trực tiếp giao dịch, trực tiếp nhận tiền theo quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng S nên Ngân hàng S phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 597 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 10 Luật Các tổ chức tín dụng.

Từ nhận định tại mục [1.2.1] đến [1.2.5], Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[1.3] Xét kháng cáo về tiền lãi chậm trả:

Theo Phiếu đăng ký dịch vụ ngày 19-5-2014, Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ ngày 23-01-2016, Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dịch vụ ngày 28-10-2021, số tài khoản 050042242321 được xác định là tài khoản thanh toán. Tại Quyết định số 33/2021/QĐ-VBLQ ngày 16-8-2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S (Phụ lục 1) xác định: Tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Chủ tài khoản mở tại S để sử dụng các dịch vụ thanh toán do Ngân hàng S cung ứng. Vì vậy, cần xác định toàn bộ số tiền 46.900.000.000VND trong tài khoản 050042242321 của bà D là tiền gửi không kỳ hạn.

Như nhận định tại [1.2], do việc thực hiện quy trình giao dịch thông qua tài khoản thanh toán bằng phương thức rút tiền mặt, ủy nhiệm chi tại quầy của Ngân hàng S chưa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thực tế thời gian tiếp nhận và giao nhận chứng từ kế toán, thực hiện giao dịch theo quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng S ban hành hướng dẫn nghiệp vụ, chưa phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xác định toàn bộ số tiền 46.900.000.000 đồng trong tài khoản 050042242321 của bà D đã bị chiếm hữu, sử dụng không có căn cứ pháp luật, nên Ngân hàng S phải có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trả lại theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự. 12 giao dịch mà bà D khởi kiện được thực hiện từ ngày 04-5-2022 đến ngày 14-6-2022, nên cần xác định kể từ thời điểm ngày 04-5-2022 là đã phát sinh nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 275 Bộ luật Dân sự và phải chịu lãi suất do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả phát sinh đối với số tiền 46.900.000.000 đồng từ thời điểm ngày 13-6-2022 đến ngày 12-4-2023 với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngày 12-4-2023, bị đơn đã tạm chi cho nguyên đơn số tiền 20.000.000.000 đồng nên số tiền này được trừ vào số tiền gốc 46.900.000.000 đồng, bị đơn còn phải trả số tiền gốc là 26.900.000.000 đồng. Tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền này phải được tính từ ngày 13-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 04-7-2024, việc Toà án cấp sơ thẩm tính đến tháng 6/2024 là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại như sau: (26.900.000.000đ x 0.83%) x 14 tháng + (26.900.000.000đ x 0.83%) x 21 ngày = 3.282.069.000 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-7-2024) là: 3.892.700.000đ+ 3.282.069.000đ= 7.174.769.000 đồng. Và bị đơn còn phải chịu toàn bộ tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tính từ ngày 05-7-2024 cho đến khi trả hết khoản tiền 26.900.000.000 đồng cho bà Hồ Thị Thuỳ D.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn phải chịu lãi suất do chậm trả tiền tới thời điểm xét xử phúc thẩm là với số tiền lãi chậm trả phát sinh: (46,9 tỷ x 0.83%/thángx 20 tháng)+ (26,9 tỷ x0.83%)x37 tháng)+ (26,9 tỷ x 0.83%)x 12 ngày/30 ngày)=12.243.398.000 đồng, là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[1.4] Xét kháng cáo về việc bồi thường thiệt hại:

Các sai sót trong quá trình thực hiện 12 giao dịch mà bà D khởi kiện là do người của Ngân hàng S thực hiện nên Ngân hàng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 597 Bộ luật Dân sự, điểm g khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN. Tuy nhiên, bà D yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà D không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc do bị chiếm giữ trái phép số tiền 49.600.000.000 đồng dẫn đến thiệt hại về việc gì, thiệt hại bao nhiêu, quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật do người của Ngân hàng S thực hiện với thiệt hại xảy ra. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn và cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[1.5] Xét kháng cáo về việc trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Tại Biên bản làm việc ngày 12-4-2023, bà Hồ Thị Thuỳ D, ông Nguyễn Quang V và Ngân hàng S tự nguyện thoả thuận với nhau về việc bàn giao bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 441814, số vào sổ cấp GCN CS03656 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 22-7-2021 cho ông Nguyễn Quang V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 749679, số vào sổ cấp GCN CS03315 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 15-3-2019 cho bà Hồ Thị Thùy D; mục đích để đảm bảo cho cam kết của các bên. Do cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả lại số tiền 26.900.000.000 đồng, cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn về nội dung này, nên buộc Ngân hàng S phải trả lại cho bà Hồ Thị Thuỳ D, ông Nguyễn Quang V bản chính của hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[1.5] Về án phí:

Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên Hội đồng xác định nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự như sau:

- Ngân hàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 112.000.000đ+0.1% x (34.047.769.000đ-4.000.000.000đ)=142.047.769 đồng.

- Bà Hồ Thị Thuỳ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 72.000.000đ+2%x(2.345.000.000-2.000.000.000đ)=78.900.000 đồng, trừ vào số tiền 72.689.915 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004666 ngày 17-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Khánh Hoà). Bà D còn phải nộp: 6.210.085 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004825 ngày 26-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Khánh Hoà).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng S, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 04-7-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà.

- Các Điều 87, 275, 280, 351, 357, 468, 584, 597 Bộ luật Dân sự ;

- Điều 10 Luật Các tổ chức tín dụng ;

- Điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31-12-2014; Điều 6, Điều 15 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19-8-2014, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28-02-2019, Thông tư số 16/2020/TT-NHNN ngày 04-12-2020; khoản 1, khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư 01/2014/TT-NHNN ngày 06-01-2014; Điều 10 Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12-12-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Ngân hàng S phải trả cho bà Hồ Thị Thuỳ D số tiền gốc là 26.900.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ chín trăm triệu đồng).

1.2. Buộc Ngân hàng S phải trả cho bà Hồ Thị Thuỳ D số tiền lãi chậm trả là 7.174.769.000 đồng (Bảy tỷ một trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

1.3. *Quy định:* Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (05-7-2024) cho đến khi thi hành xong khoản tiền 26.900.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ chín trăm triệu đồng), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.4. Buộc Ngân hàng S phải trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau đây cho bà Hồ Thị Thùy D: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 441814, số vào sổ cấp GCN: CS03656 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 22-7-2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 749679, số vào sổ cấp GCN: CS03315 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 15-3-2019.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Ngân hàng S phải bồi thường thiệt hại cho bà Hồ Thị Thuỳ D số tiền là 2.345.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Ngân hàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 142.047.769 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

- Bà Hồ Thị Thuỳ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.900.000 đồng, trừ vào số tiền 72.689.915 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004666 ngày 17-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Khánh Hoà). Bà D còn phải nộp: 6.210.085 đồng (Sáu triệu hai trăm mười ngàn không trăm tám mươi lăm đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004825 ngày 26-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Khánh Hoà).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND khu vực 2 – Khánh Hoà;
- VKSND khu vực 2 – Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP, DS, GĐKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành